TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HS-PT
Ngày: 25-6-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thế Xương

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Ngọc Nồm – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 36/2019/TLPT-HS ngày 22 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Lê Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2019/HS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Lê Văn T**

Sinh năm 1986 tại tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: bán vé số; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H, sinh năm 1949 và bà Lê Thị Đ, sinh năm 1951; tiền án: có 02 tiền án. Tại Bản án số 77/2015/HSPT ngày 11/6/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về "Tội trộm cắp tài sản"; tại Bản án số 01/2017/HSST ngày 05/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã xử phạt bị cáo 02 năm tù về "Tội trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt ngày 17/7/2018; tiền sự: không; nhân thân: Từ năm 2004 đến năm 2009, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, Giồng Trôm và thị xã Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre) xử phạt tổng cộng 05 lần về "Tội trộm cắp tài sản"; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/01/2019 cho đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Luật sư Nguyễn Thị Phượng – Văn phòng luật sư Võ Tấn Thành thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện hợp pháp của bị cáo*: Chị Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1979. Nơi cư trú: ấp Nhơn Thuận, xã Mỹ Nhơn, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn T đã nhiều lần bị Tòa án xử phạt tù về "Tội trộm cắp tài sản", vừa chấp hành xong hình phạt tù về địa phương. Vào khoảng 13 giờ 15 phút ngày 05/8/2018, sau khi bán vé số xong, Lê Văn T chạy xe đạp từ hướng xã H về xã B (thuộc huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre). Khi đi ngang ấp G xã H, T thấy cửa hàng bán thức ăn nuôi tôm của anh Nguyễn Văn C không có người trông coi nên đột nhập vào mở ngăn tủ lấy trộm xấp tiền 1.410.000 đồng bỏ vào túi quần rồi tẩu thoát. Sau đó, bị cáo T sử dụng số tiền trộm được chơi game bắn cá và uống rượu hết. Trong thời gian tại ngoại chờ điều tra, đến khoảng 15 giờ 25 phút ngày 12/01/2019, T đi xe đạp từ nhà ở xã T lên xã H (thuộc huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre). Khi chạy ngang cửa hàng điện thoại di động của anh Phan Thành D (sinh năm 1985, ngụ ấp K, xã H, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre) T thấy cửa hàng không có người trông coi nên lén vào bên trong cửa hàng mở ngăn kéo tủ lấy trộm số tiền 703.000 đồng và 01 chiếc ví da bên trong có 15.000.000 đồng của anh D rồi định lên xe chạy đi thì bị anh D và mọi người phát hiện truy hô, T liền ném tiền và chiếc ví da vừa trộm được vào bụi cây bên hông cửa hàng điện thoại.

Vật chứng và tài sản thu giữ gồm:

- 01 cái áo sơ mi nam màu xanh của Lê Văn T;
- Số tiền 15.703.000 đồng và 01 ví da màu nâu của Phan Thành D.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 06/KL.ĐGTS ngày 31/01/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ba Tri kết luận 01 ví da màu nâu có giá trị tài sản là 20.000 đồng.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 639/KL-VPYTW ngày 17/12/2018, Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận:

+ Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Đương sự bị bệnh Chậm phát triển tâm thần mức độ: trung bình (F71-ICD.10).

+ Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi: Tại thời điểm gây án và hiện nay: Đương sự bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2019/HS-ST ngày 19-4-2019 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm "Tội trộm cắp tài sản". Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, q khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn T 02

(hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/01/2019. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/4/2019 bị cáo Lê Văn T kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không thay đổi yêu cầu kháng cáo; bị cáo cho rằng không thực hiện hành vi trộm tài sản vào ngày 12/01/2019.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm "Tội trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt Lê Văn T 02 năm tù là mức thấp nhất của khung hình phạt xét thấy phù hợp, không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, q khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn T 02 (hai) năm tù về "Tội trộm cắp tài sản". Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng qua hành vi của bị cáo, bị cáo bị xét xử về "Tội trộm cắp tài sản" và điều luật áp dụng là có căn cứ. Tuy nhiên hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, bị cáo là người bị hạn chế năng lực, đề nghị xem xét tình tiết gây thiệt hại không lớn và điều kiện hoàn cảnh sống của bị cáo để xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Văn T cho rằng không thực hiện hành vi trộm tài sản vào ngày 12/01/2019. Nhưng qua lời khai của người làm chứng Trần Công D, Lê Thị Kim P, Lê Thị Th, Phan Văn P và bị hại Phan Thành D phù hợp nhau. Tại phiên tòa phúc thẩm qua trình chiếu các đoạn clip cho bị cáo xem, bị cáo thừa nhận người trong clip là bị cáo, nhưng bị cáo cho rằng bị cáo không có lấy tiền. Từ các lời khai của người làm chứng phù hợp với clip ghi hình, phù hợp lời khai bị hại, có cơ sở chứng minh vào ngày 12/01/2019 Lê Văn T là người thực hiện hành vi lén lút vào cửa hàng điện thoại của anh Phan Thành D lấy một cái bóp bên trong có tiền và một số tiền bên ngoài mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định là có căn cứ.

Qua lời khai nhận của bị cáo kết hợp các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: vào lúc 13 giờ 15 phút ngày 05/8/2018 tại ấp G, xã H, huyện Ba Tri, Lê Văn T lén lút chiếm đoạt 1.410.000 đồng của anh Nguyễn Văn C và vào lúc 15 giờ 25 phút ngày 12/01/2019 tại ấp K, xã H, huyện Ba Tri, Lê Văn T lén lút chiếm đoạt một ví da có tiền bên trong và tiền bên ngoài với tổng số tiền là 15.703.000 đồng của anh Phan Thành D. Về nhân thân bị cáo đã có tiền án xác định là tái phạm chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội. Với ý thức hành vi, giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt và nhân thân của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm "Tội trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung tăng nặng "Tái phạm nguy hiểm" là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo đã xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo như: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; tuy nhiên bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, q khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo 02 năm tù là mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định. Xét tại cấp phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào khác nên không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[4] Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí, bị cáo phải chịu án phí do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 05/2019/HS-ST ngày 19-4-2019 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm "Tội trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, q khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Văn T** 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/01/2019.

[2] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Ba Tri (3b);
- Công an và VKSND huyện Ba Tri (2b);
- Nhà tạm giữ Công an huyện Ba Tri + bị cáo (2b); (Yêu cầu Nhà tạm giữ tống đạt cho bị cáo 1b)
- Chi cục THADS huyện Ba Tri (1b);
- UBND xã T, h. Ba Tri (1b);
- Người giám hộ cho bị cáo (01b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Tỉnh